**Class 1: Student (Lớp Sinh viên)**

* **Thuộc tính private:**
* studentId (string): Mã sinh viên
* fullName (string): Họ tên đầy đủ
* birthDate (DateTime): Ngày sinh
* gpa (double): Điểm trung bình (0.0 - 4.0)
* isActive (bool): Trạng thái đang học
* **Static members:**
* totalStudents (static int): Tổng số sinh viên
* passedStudents (static int): Số sinh viên đã tốt nghiệp
* **Properties và Methods:**
* Constructor để khởi tạo sinh viên
* Properties (getter/setter) cho các thuộc tính
* DisplayInfo(): Hiển thị thông tin sinh viên
* CalculateAge(): Tính tuổi từ ngày sinh
* Graduate(): Cho sinh viên tốt nghiệp
* GetGradeLevel(): Trả về xếp hạng học lực
* Static methods để lấy thống kê

**Class 2: ClassRoom (Lớp học)**

* **Thuộc tính private:**
* className (string): Tên lớp
* teacher (string): Giáo viên chủ nhiệm
* maxStudents (int): Số sinh viên tối đa
* currentStudents (int): Số sinh viên hiện tại
* established (DateTime): Ngày thành lập lớp
* **Static members:**
* totalClasses (static int): Tổng số lớp
* schoolName (static string): Tên trường
* **Properties và Methods:**
* Constructor để khởi tạo lớp học
* Properties với validation
* DisplayClassInfo(): Hiển thị thông tin lớp
* AddStudent(): Thêm sinh viên vào lớp
* RemoveStudent(): Loại sinh viên khỏi lớp
* IsFull(): Kiểm tra lớp đã đầy chưa
* GetClassAge(): Tính tuổi của lớp
* Static methods để quản lý thông tin chung